



TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2017

Số: 283 /2017/CV-SGW.KT

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ quý 1 năm 2017

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483 Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm Quý 1 năm 2017 và Quý 1 năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2017	Tăng (+) giảm (-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Doanh thu hoạt động tài chính	110.964.322.977	7.473.111.935	(103.491.211.042)
Chi phí hoạt động tài chính	1.541.666.666	25.704.622.912	24.162.956.246
Chi phí bán hàng	636.635.523	13.131.554.347	12.494.918.824
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.524.230.832	5.976.169.105	3.451.938.273
Thu nhập khác	-	36.188.973.041	36.188.973.041
Chi phí khác	-	6.612.865.574	6.612.865.574
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	106.485.246.609	(8.083.131.676)	(114.568.378.285)

Sự biến động của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1 năm 2017 giảm so với Quý 1 năm 2016 chủ yếu là do:

- Quý 1 năm 2016 công ty đã nhận được cổ tức được chia từ Công ty con là Công ty CP Kỹ Thuật Enviro với số tiền là 107,1 tỷ
- Quý 1 năm 2017 toàn bộ tài sản xây dựng cơ bản dở dang của dự án Củ Chi giai đoạn 1 đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do đó các chi phí không thuộc các gói thầu xây dựng cơ bản đều đưa vào chi phí hoạt động và công ty trích khấu hao cho phần tài sản đã hình thành từ dự án Củ Chi giai đoạn một, đã dẫn đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.
- Bắt đầu từ Quý 1/2017 công ty bắt đầu phân bổ 600 tỷ nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án củ chi, công ty phân bổ thời gian là năm năm và đưa vào thu nhập khác, đã dẫn đến thu nhập khác tăng cao.



- Thu nhập khác tăng cao, chi phí tăng cao, doanh thu chưa tăng tương ứng, nên đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2017 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

 **TRƯỞNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẠ TẦNG NƯỚC
SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Khắc Hoành



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÍ 1 NĂM 2017

Tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 35

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

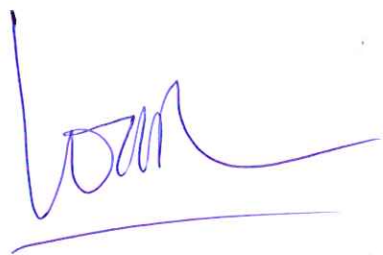
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		450.889.302.292	818.541.056.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	124.640.890.613	377.729.642.390
1. Tiền	111		54.640.890.613	377.729.642.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.187.333.873	278.418.967.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.195.829.632	3.033.256.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.168.947.289	131.785.534.931
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	99.918.080.000	99.918.080.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	55.945.623.187	43.723.242.253
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(41.146.235)	(41.146.235)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.361.478.184	4.794.838.760
1. Hàng tồn kho	141		4.361.478.184	4.794.838.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		161.699.599.622	157.597.608.002
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		161.321.247	140.608.567
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		161.538.278.375	157.456.999.435
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.910.851.210.714	2.621.882.274.175
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		141.295.510.800	141.668.815.864
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	141.295.510.800	141.668.815.864
II. Tài sản cố định	220		1.341.483.685.692	11.330.933.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.332.989.149.576	2.612.857.190
- Nguyên giá	222		1.347.177.141.239	4.864.688.549
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.187.991.663)	(2.251.831.359)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.494.536.116	8.718.076.541
- Nguyên giá	228		8.941.616.965	8.941.616.965
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(447.080.849)	(223.540.424)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		319.504.884.516	1.617.065.927.645
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	319.504.884.516	1.617.065.927.645
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	1.094.220.096.261	833.579.596.261
1. Đầu tư vào công ty con	251		780.122.112.650	498.046.112.650
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		119.659.788.611	141.095.288.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		194.438.195.000	194.438.195.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.347.033.445	18.237.000.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	14.347.033.445	18.237.000.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.361.740.513.006	3.440.423.330.879


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/03/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.465.988.025.985	2.536.587.712.182
I. Nợ ngắn hạn	310		173.877.482.590	304.564.450.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	79.222.264.583	195.270.666.330
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	507.024.401	262.180.793
4. Phải trả người lao động	314		5.907.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	15.890.077.731	15.652.871.854
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	889.284.953	1.245.974.378
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	75.260.238.095	88.260.238.095
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.102.685.827	3.872.518.827
II. Nợ dài hạn	330		2.292.110.543.395	2.232.023.261.905
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	570.000.000.000	600.000.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	720.000.000.000	630.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	1.002.110.543.395	1.002.023.261.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		895.752.487.021	903.835.618.697
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	895.752.487.021	903.835.618.697
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		583.700.000.000	583.700.000.000
- cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.292.910.776	8.292.910.776
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		183.836.542.245	191.919.673.921
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		191.919.673.921	62.754.207.587
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.083.131.676)	129.165.466.334
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.361.740.513.006	3.440.423.330.879



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 4 năm 2017


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lấy kể từ 01/01 đến 31/03	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.840.088.908	1.448.374.418	3.840.088.908	1.448.374.418
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.840.088.908	1.448.374.418	3.840.088.908	1.448.374.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.160.093.622	1.224.917.765	4.160.093.622	1.224.917.765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(320.004.714)	223.456.653	(320.004.714)	223.456.653
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.473.111.935	110.964.322.977	7.473.111.935	110.964.322.977
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	25.704.622.912	1.541.666.666	25.704.622.912	1.541.666.666
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.079.443.849	1.541.666.666	25.079.443.849	1.541.666.666
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.131.554.347	636.635.523	13.131.554.347	636.635.523
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.976.169.105	2.524.230.832	5.976.169.105	2.524.230.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(37.659.239.143)	106.485.246.609	(37.659.239.143)	106.485.246.609
11. Thu nhập khác	31		36.188.973.041	-	36.188.973.041	-
12. Chi phí khác	32		6.612.865.574	-	6.612.865.574	-
13. Lợi nhuận khác	40		29.576.107.467	-	29.576.107.467	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.083.131.676)	106.485.246.609	(8.083.131.676)	106.485.246.609
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.083.131.676)	106.485.246.609	(8.083.131.676)	106.485.246.609

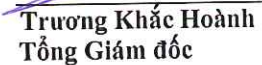


Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 4 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng




Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	QUÝ 1 NĂM 2017		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
		Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(8.083.131.676)	106.485.246.609	(8.083.131.676)	106.485.246.609
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	12.159.700.729	131.080.962	12.159.700.729	131.080.962
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.473.111.935)	(110.964.322.977)	(7.473.111.935)	(110.964.322.977)
Chi phí lãi vay	06	25.079.443.849	1.541.666.666	25.079.443.849	1.541.666.666
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.682.900.967	(2.806.328.740)	21.682.900.967	(2.806.328.740)
Tăng/(Giảm) các khoản phải thu	09	182.883.303.405	28.556.226.422	182.883.303.405	28.556.226.422
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	433.360.576	(2.379.137.329)	433.360.576	(2.379.137.329)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(34.520.077.373)	(15.036.031.465)	(34.520.077.373)	(15.036.031.465)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	3.869.254.549	40.147.552	3.869.254.549	40.147.552
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.747.264.772)	(1.541.666.666)	(27.747.264.772)	(1.541.666.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	146.601.477.352	6.833.209.774	146.601.477.352	6.833.209.774
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(161.329.942.554)	(39.147.328.182)	(161.329.942.554)	(39.147.328.182)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.500.000.000	-	20.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(282.076.000.000)	(38.437.300.000)	(282.076.000.000)	(38.437.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	28.655.320.000	-	28.655.320.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27	7.473.111.935	1.682.186.657	7.473.111.935	1.682.186.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(386.777.510.619)	(75.902.441.525)	(386.777.510.619)	(75.902.441.525)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	87.281.490	-	87.281.490	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.000.000.000)	-	(13.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.912.718.510)	-	(12.912.718.510)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(253.088.751.777)	(69.069.231.751)	(253.088.751.777)	(69.069.231.751)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	377.729.642.390	275.715.059.972	377.729.642.390	275.715.059.972
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	124.640.890.613	206.645.828.221	124.640.890.613	206.645.828.221



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 4 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng




Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”) với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng:

Ngày 3 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Nước SGN, hoạt động của công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, tư vấn kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế), xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, lắp đặt hệ thống xây dựng khác, với vốn điều lệ là 240 tỷ đồng, Công ty đăng ký góp 100% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sổ cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.432.900 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Do đó, Công ty Cổ Phần Cấp nước Tân Hòa không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Thông tin về công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh gia lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	Hồ Chí Minh	51%	51%	Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ hoạt động liên quan đến dịch vụ quản lý và giám sát thoát nước.
Công ty TNHH Cấp Thoát Nước Củ Chi	Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai	Tỉnh gia lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ (i)	Hồ Chí Minh	77%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (i)	Hồ Chí Minh	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	Hồ Chí Minh	100%	100%	Hoạt động tư vấn quản lý, kỹ thuật, xây dựng công trình kỹ thuật, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

i. Công ty con đang trong giai đoạn góp vốn.

Thông tin về công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (i)	Cần thơ	31,21%	31,21%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp	Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

i. Công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính được lập kèm theo là cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản phải thu về cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	209.301.815	107.451.296
Tiền gửi ngân hàng	54.431.588.798	377.622.191.094
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	-
Cộng	124.640.890.613	377.729.642.390

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở Huyện Cù Chi	2.596.557.627	1.670.982.540
Công ty Cổ phần tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	693.071.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	388.700.298
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Tuấn lộc	156.582.472	156.582.472
Ban Quản lý Nhà máy nước Thị xã An Khê	-	69.931.058
Các khoản phải thu khác	53.989.235	53.989.235
Cộng	3.195.829.632	3.033.256.603

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai	-	121.176.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt	-	3.998.902.128
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Thiên Phú	-	2.082.381.586
Công ty Cổ phần tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	-	1.629.771.952
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Đồng Nam Phương	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh	234.657.823	1.367.968.915
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	-	507.703.608
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	234.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	400.289.466	1.022.806.742
Cộng	1.168.947.289	131.785.534.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro (i)	95.918.080.000	95.918.080.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	99.918.080.000	99.918.080.000

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 8 tháng 5 năm 2015, Công ty đồng ý cho Công ty Enviro vay để mua cổ phần của Công ty CP Cấp nước Cần Thơ. Hợp đồng đã được gia hạn ngày 6 tháng 5 năm 2016.

5. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	55.945.623.187	43.723.242.253
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh (i)	2.660.462.296	23.160.462.296
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	30.059.191.342	14.359.191.342
Cty CP Đầu Tư Nước Tân Hiệp	15.500.000.000	-
Công ty CP Cấp Nước Kênh Đông (Phí nước thô)	2.887.791.193	2.887.791.193
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.250.000.000	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	50.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.392.556.134	2.280.997.422
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.018.400.000	1.018.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	127.222.222	16.400.000
b. Phải thu dài hạn khác	141.295.510.800	141.668.815.864
Ký cược, ký quỹ dài hạn		
+ Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	373.305.064
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh (i)	141.295.510.800	141.295.510.800
Cộng	197.241.133.987	185.392.058.117

(i) Số dư phải thu Công ty CII tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Theo biên bản thỏa thuận ngày 3 tháng 11 năm 2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 282.591.021.600 VND và sẽ được thanh toán 50% trước ngày 31 tháng 3 năm 2017, 50% còn lại sẽ được thanh toán đến ngày 31 tháng 8 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	3.228.221.489	-	3.661.010.065	-
Công cụ, dụng cụ	47.996.099	-	48.568.099	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	988.345.296	-	988.345.296	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	4.361.478.184	-	4.794.838.760	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà xưởng vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	4.729.688.549	-	135.000.000	4.864.688.549
Mua trong năm	-	-	145.000.000	145.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	1.245.633.020.209	96.534.432.481	-	1.342.167.452.690
Tại ngày 31/03/2017	1.250.362.708.758	96.534.432.481	280.000.000	1.347.177.141.239
KHẤU HAO				
Tại ngày 01/01/2017	2.221.831.359	-	30.000.000	2.251.831.359
Trích khấu hao trong năm	10.720.729.897	1.206.680.406	8.750.001	11.936.160.304
Tại ngày 31/03/2017	12.942.561.256	1.206.680.406	38.750.001	14.187.991.663
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	2.507.857.190	-	105.000.000	2.612.857.190
Tại ngày 31/03/2017	1.237.420.147.502	95.327.752.075	241.249.999	1.332.989.149.576

Ngày 01 tháng 01 năm 2017 toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi giai đoạn 1 bao gồm: Đầu tư xây dựng mạng lưới cấp 1, 2, 3 từ Nhà máy nước Kênh Đông về đến Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận; Thực hiện các giải pháp tình thế như xây dựng mới, cải tạo các trạm xử lý nước ngầm hiện có, lắp đặt đồng hồ tổng, lắp đặt bồn chứa nước tập trung ở những nơi chưa có mạng cấp 3, đã được công ty kết chuyển thành tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm In hóa đơn VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	8.941.616.965	8.941.616.965
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/03/2017	8.941.616.965	8.941.616.965
KHẤU HAO		
Tại ngày 01/01/2017	223.540.424	223.540.424
Trích khấu hao trong năm	223.540.425	223.540.425
Tại ngày 31/03/2017	447.080.849	447.080.849
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	8.718.076.541	8.718.076.541
Tại ngày 31/03/2017	8.494.536.116	8.494.536.116

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	319.504.884.516	1.610.967.314.710
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - Gia Lai, công suất 9.500 m ³ / ngày đêm (ii)	-	6.098.612.935
Cộng	319.504.884.516	1.617.065.927.645

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 đồng. Tại ngày 01/01/2017 công ty đã kết chuyển toàn bộ tài sản hình thành từ giai đoạn 1 qua tài sản cố định.

Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

(ii) Ngày 01/03/2017 Saigon Water và Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê ký Biên bản bàn giao số 01/2017/SGW/AK/BB về việc Saigon Water bàn giao lại phần giá trị công việc Saigon Water đã làm qua cho Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty con

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	2.550.000.000	-	(i)	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	49.500.000.000	-	(i)	49.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	105.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Cấp thoát nước Cù Chi	321.174.000.000	-	(i)	321.174.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	10.200.000.000	-	(i)	10.200.000.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty con - Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ	8.522.112.650	-	(i)	7.622.112.650	-	(i)
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	12.000.000.000	-	(i)	2.000.000.000	-	(i)
ĐT vào công ty con - Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai	121.176.000.000	-	(i)	-	-	(i)
ĐT vào công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	150.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Cộng	780.122.112.650	-		498.046.112.650	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	-	-	(i)	21.435.500.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	-	(i)	119.659.788.611	-	(i)
Cộng	119.659.788.611	-		141.095.288.611	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	51.284.800.000	-	(i)	51.284.800.000	-	(i)
Cộng	194.438.195.000	-		194.438.195.000	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay dự án Cù Chi giai đoạn 1	11.300.397.062	15.067.196.083
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.046.636.383	3.169.804.591
Cộng	14.347.033.445,00	18.237.000.674

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	20.083.741.540	100.762.504.540
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	26.974.609.257	73.620.073.257
Cty CP Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	5.338.132.128	5.216.072.973
Công ty CP Cấp Nước Kênh Đông	3.675.776.218	4.287.061.237
CN Viettel TPHCM - Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội	3.494.533.052	3.674.754.852
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu kỹ thuật Việt	297.294.750	2.110.462.948
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	1.672.060.775	1.672.060.775
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	14.265.119.716	1.083.007.713
Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Hoàng Phúc	729.081.176	704.561.176
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Đông Nam Phương	729.595.859	669.103.359
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	587.860.000
Các đối tượng khác	1.962.320.112	883.143.500
Cộng	79.222.264.583	195.270.666.330

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	811.821.595	811.821.595	-
Thuế thu nhập cá nhân	163.527.232	877.923.456	877.134.592	164.316.096
Thuế tài nguyên	6.710.795	27.150.155	23.675.325	10.185.625
Phí bảo vệ môi trường	91.942.766	373.981.760	133.401.846	332.522.680
Cộng	262.180.793	1.279.055.371	1.034.211.763	507.024.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng Vietinbank - CN 11	10.530.835.971	10.854.861.694
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển nhà Việt Nam - Trung tâm Kinh doanh	187.916.667	187.916.667
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	855.000.000	908.625.000
Công ty CP CK Việt Thành	429.829.800	-
Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí phải trả cho các chuyên gia	1.500.000.000	1.500.000.000
Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án Củ Chi	1.201.045.293	1.201.045.293
Trích trước các khoản phải trả khác	185.450.000	423.200
Cộng	15.890.077.731	15.652.871.854

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
Bảo hiểm xã hội	4.208.300	364.395.725
Cổ tức phải trả	16.500.000	16.500.000
Phải trả khác	34.787.653	31.289.653
Cộng	889.284.953	1.245.974.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị có khả năng		Tăng	Giảm	Giá trị có khả năng	
	Nợ gốc	thanh toán			Nợ gốc	thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn						
Công ty CP Đầu Tư Việt Thành (ii)	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Cty CP Giải Pháp Mạng Nước Châu Á(iii)	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng Phát triển nhà Việt Nam - Trung tâm Kinh doanh (i)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000	-	13.000.000.000	73.000.000.000	73.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank - CN 11 vay dài hạn đến hạn trả	15.260.238.095	-			15.260.238.095	15.260.238.095
Cộng	75.260.238.095	60.000.000.000			88.260.238.095	88.260.238.095

(i) Khoản vay HDBank theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2774/HĐTDNH-DN/068 ngày 14 tháng 7 năm 2016. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/16-HĐĐT-SGW ngày 16 tháng 5 năm 2016. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 6.310.400 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nắm giữ để thế chấp khoản vay này.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành theo hợp đồng số 54/HĐKD-2016 ngày 18 tháng 11 năm 2016, thời hạn khoản vay là 1 tháng. Lãi suất của khoản vay là 11%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(iii) Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Mạng nước Châu Á đã chuyển khoản hỗ trợ vốn cho Công ty với giá trị 4.000.000.000 VND với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động, lãi suất khoản hỗ trợ được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Thời hạn của khoản hỗ trợ vốn là 1 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị có khả năng		Tăng	Giảm	Giá trị có khả năng	
	Nợ gốc	thanh toán			Nợ gốc	thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng Vietinbank - CN 11 (iv)	640.930.000.000	640.930.000.000	-	-	640.930.000.000	640.930.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(15.260.238.095)	(15.260.238.095)	-	-	(15.260.238.095)	(15.260.238.095)
Cộng	625.669.761.905	625.669.761.905			625.669.761.905	625.669.761.905
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (v)	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phát hành	(3.559.218.510)	(3.559.218.510)	(150.000.000)	(237.281.490)	(3.646.500.000)	(3.646.500.000)
Cộng	376.440.781.490	376.440.781.490	(150.000.000)	(237.281.490)	376.353.500.000	376.353.500.000
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng						
Cộng	376.440.781.490	376.440.781.490			376.353.500.000	376.353.500.000
Tổng cộng:	1.002.110.543.395	1.002.110.543.395	-	-	1.002.023.261.905	1.002.023.261.905

(iv) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Vay dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.260.238.095	15.260.238.095
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	244.163.809.524	244.163.809.524
Sau năm năm	381.505.952.381	381.505.952.381
Cộng:	640.930.000.000	640.930.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	15.260.238.095	(15.260.238.095)
Số phải trả sau 12 tháng	625.669.761.905	625.669.761.905

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(v) *Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH;

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty CP cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty CP Kỹ Thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty CP Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000
Công ty CP Đầu Tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty CP Cấp Nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000

Ngoài ra Công ty thế chấp phần vốn góp 321.174.000.000 VND trong Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi (đến thời điểm phát hành báo cáo này đã là Công ty CP Cấp thoát Nước Củ Chi) để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi	570.000.000.000	600.000.000.000
Cộng	570.000.000.000	600.000.000.000

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày khóa sổ là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi - Đầu tư vào dự án Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Nước SGN	90.000.000.000	-
Cộng	720.000.000.000	630.000.000.000

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận như đã trình bày tại Thuyết minh số 14. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Công ty và Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi được phân chia lợi nhuận từ dự án với tỷ lệ lần lượt là 0,1% và 99,9%. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	583.700.000.000	119.923.034.000	2.342.139.270	74.655.750.599	780.620.923.869
Lãi trong năm	-	-	-	129.165.466.334	129.165.466.334
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.950.771.506	(5.950.771.506)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.950.771.506)	(5.950.771.506)
Số dư tại ngày 01/01/2017	583.700.000.000	119.923.034.000	8.292.910.776	191.919.673.921	903.835.618.697
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(8.083.131.676)	(8.083.131.676)
Số dư tại ngày 31/03/2017	583.700.000.000	119.923.034.000	8.292.910.776	183.836.542.245	895.752.487.021

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/03/2017		01/01/2016	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Công ty mẹ - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	55,94%	326.521.780.000	55,94%	326.521.780.000
Các cổ đông khác	44,06%	257.178.220.000	44,06%	257.178.220.000
Cộng:	100%	583.700.000.000	100%	583.700.000.000

b. Cổ phiếu

	31/03/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	58.370.000	58.370.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	-	177.381.818	-	177.381.818
Doanh thu cung cấp nước sạch	3.840.088.908	1.270.992.600	3.840.088.908	1.270.992.600
Cộng	3.840.088.908	1.448.374.418	3.840.088.908	1.448.374.418

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	-	133.513.360	-	133.513.360
Giá vốn cung cấp nước sạch	4.160.093.622	1.091.404.405	4.160.093.622	1.091.404.405
Cộng	4.160.093.622	1.224.917.765	4.160.093.622	1.224.917.765

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	253.291.935	3.864.322.977	253.291.935	3.864.322.977
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	7.219.820.000	-	7.219.820.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	107.100.000.000	-	107.100.000.000
Cộng	7.473.111.935	110.964.322.977	7.473.111.935	110.964.322.977

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	25.079.443.849	1.541.666.666	25.079.443.849	1.541.666.666
Chi phí môi giới	431.820.498	-	431.820.498	-
Chi phí khác	193.358.565	-	193.358.565	-
Cộng	25.704.622.912	1.541.666.666	25.704.622.912	1.541.666.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	962.092.382	546.889.497	962.092.382	546.889.497
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	37.838.221	13.593.522	37.838.221	13.593.522
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.964.889.744	-	11.964.889.744	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.734.000	76.152.504	166.734.000	76.152.504
Cộng	13.131.554.347	636.635.523	13.131.554.347	636.635.523

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1		VND	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.362.647.220	1.384.184.030	3.362.647.220	1.384.184.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.566.610.849	825.752.802	1.566.610.849	825.752.802
Chi phí quản lý khác	1.046.911.036	314.294.000	1.046.911.036	314.294.000
Cộng	5.976.169.105	2.524.230.832	5.976.169.105	2.524.230.832

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ trước thuế	(8.083.131.676)	106.485.246.609	(8.083.131.676)	106.485.246.609
Thu nhập chịu thuế	(8.083.131.676)	106.485.246.609	(8.083.131.676)	106.485.246.609
Thu nhập miễn thuế	-	107.100.000.000	-	107.100.000.000
Số lỗ chuyển kỳ này	-	-	-	-
Thu nhập tính thuế	(8.083.131.676)	(614.753.391)	(8.083.131.676)	(614.753.391)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	22%	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công: Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường, ngành nước. Và bộ phận kinh doanh nước sạch: Cung cấp nước sạch.

	Kinh doanh nước sạch	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.840.088.908	-	3.840.088.908
Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính	-	7.473.111.935	7.473.111.935
Tổng doanh thu	3.840.088.908	7.473.111.935	11.313.200.843
Chi phí			
Chi phí giá vốn bộ phận	4.160.093.622	-	4.160.093.622
Chi phí hoạt động tài chính	-	25.704.622.912	25.704.622.912
Tổng chi phí	4.160.093.622	25.704.622.912	29.864.716.534
Kết quả kinh doanh bộ phận	(320.004.714)	(18.231.510.977)	(18.551.515.691)
Chi phí bán hàng			13.131.554.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp			5.976.169.105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh			(37.659.239.143)
Thu nhập khác			36.188.973.041
Chi phí khác			6.612.865.574
Lợi nhuận khác			29.576.107.467
Tổng lợi nhuận sau thuế			(8.083.131.676)

2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.077.370.781.490	1.090.283.500.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	124.640.890.613	377.729.642.390
Nợ thuần	952.729.890.877	712.553.857.610
Vốn chủ sở hữu	895.752.487.021	903.835.618.697
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	106%	79%

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty đang đầu tư các dự án cấp nước cho dân, dự án dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm tới và sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản vay dài hạn tài trợ cho dự án xây dựng cơ bản. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng dự án này sẽ đem lại nguồn tiền trong tương lai nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	124.640.890.613	377.729.642.390
Phải thu khách hàng	155.607.430.450	143.334.035.199
Đầu tư tài chính dài hạn	1.094.220.096.261	833.579.596.261
Các khoản ký quỹ	142.313.910.800	142.687.215.864
Tổng Cộng	1.516.782.328.124	1.497.330.489.714
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	1.077.370.781.490	1.090.283.500.000
Phải trả người bán	800.111.549.536	825.318.455.983
Chi phí phải trả	15.890.077.731	15.652.871.854
Tổng Cộng	1.893.372.408.757	1.931.254.827.837

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017:				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	124.640.890.613	-	-	124.640.890.613
Phải thu khách hàng	155.607.430.450	-	-	155.607.430.450
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	1.094.220.096.261	1.094.220.096.261
Các khoản ký quỹ	1.018.400.000	141.295.510.800	-	142.313.910.800
Cộng	281.266.721.063	141.295.510.800	1.094.220.096.261	1.516.782.328.124
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	75.260.238.095	244.163.809.524	381.505.952.381	700.930.000.000
Phải trả người bán	800.111.549.536	-	-	800.111.549.536
Chi phí phải trả	15.890.077.731	-	-	15.890.077.731
Trái phiếu thông thường	-	376.440.781.490	-	376.440.781.490
Tổng Cộng	891.261.865.362	620.604.591.014	381.505.952.381	1.893.372.408.757
Chênh lệch thanh khoản thuần	(609.995.144.299)	(479.309.080.214)	712.714.143.880	(376.590.080.633)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 :				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	377.729.642.390	-	-	377.729.642.390
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.334.035.199	-	-	143.334.035.199
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	833.579.596.261	833.579.596.261
Các khoản ký quỹ	1.018.400.000	141.668.815.864	-	142.687.215.864
Tổng Cộng	522.082.077.589	141.668.815.864	833.579.596.261	1.497.330.489.714
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	88.260.238.095	244.163.809.524	381.505.952.381	713.930.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	195.318.455.983	630.000.000.000	-	825.318.455.983
Chi phí phải trả	15.652.871.854	-	-	15.652.871.854
Trái phiếu thông thường	-	376.353.500.000	-	376.353.500.000
Tổng Cộng	299.231.565.932	1.250.517.309.524	381.505.952.381	1.931.254.827.837
Chênh lệch thanh khoản thuần	222.850.511.657	(1.108.848.493.660)	452.073.643.880	(433.924.338.123)

Chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu thông thường và các khoản vay dài hạn đầu tư cho các dự án của Công ty. Công ty tin tưởng rằng các dự án này sẽ mang lại nguồn tiền trong tương lai cho Công ty và Công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty con
Công ty Cổ phần giải pháp mạng nước Châu Á	Công ty con
Công ty TNHH Cấp thoát nước Cù Chi	Công ty con
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan này bao gồm:

	Từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016
	VND	VND
Giao dịch với CII		
CII chuyển thanh toán giá chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư vào dự án Diamond Riverside	20.500.000.000	-
SGW chuyển góp vốn đầu tư vào Công ty Tân Hiệp	-	32.250.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
SGW phải thu về khoản chia cổ tức Năm 2015	-	107.100.000.000
SGW phải thu về khoản hỗ trợ vốn	-	2.183.136.320
Bù trừ cổ tức được nhận và khoản hỗ trợ vốn phải trả trong năm	-	106.668.250.000
SGW chuyển hỗ trợ vốn	15.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa		
SGW chuyển hỗ trợ vốn	-	450.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
SGW chuyển góp vốn điều lệ	-	6.187.300.000
SGW chuyển hỗ trợ vốn	1.250.000.000	-
SGW thu tiền công nợ phải thu	-	445.186.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần giải pháp mạng nước Châu Á		
SGW thu hồi tiền chi hộ	-	686.699.310
Chi phí lãi vay (SGW vay)	68.734.551	-
Phí dịch vụ rò rỉ, phí tư vấn kỹ thuật	603.499.999	537.500.001
Chi phí khảo sát thiết kế, cung cấp vật tư, thi công	630.334.176	24.987.644
Thanh toán công nợ	-	930.236.409
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi		
SGW nhận tiền hợp tác kinh doanh	-	500.000.000
Giá trị hàng hóa, khoản chi hộ phải trả	-	114.440.401
SGW thanh toán công nợ	-	200.504.018
SGW chuyển hỗ trợ vốn	50.000.000	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ		
Chuyển góp vốn điều lệ	900.000.000	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê		
Bàn giao tài sản, hàng hóa	6.186.982.859	-
Chuyển góp vốn điều lệ	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MIV Cấp Nước Gia Lai		
Mua 51% CP cty Cấp nước Gia Lai	121.176.000.000	-
Công ty TNHH MIV Đầu tư Nước SGN		
Chuyển góp vốn điều lệ	150.000.000.000	-
SGN chuyển hỗ trợ SGW	90.000.000.000	-

Trong kỳ, Công ty có số dư với sau với các bên liên quan:

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	95.918.080.000	95.918.080.000
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	30.059.191.342	14.359.191.342
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.250.000.000	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	50.000.000	-
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	-	388.700.298
Cộng:		74.747.891.640
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ Phần kỹ thuật Enviro	1.672.060.775	1.672.060.775
Cty CP Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	5.338.132.128	5.216.072.973
Công ty TNHH cấp Thoát Nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	90.000.000.000	-
Cộng:	699.216.072.973	630.591.250.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

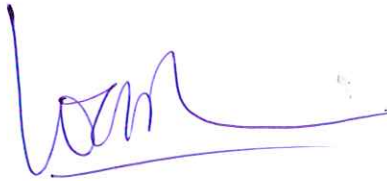
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 VND
Lương và thưởng	677.473.462	925.500.000

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 4 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc